

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020-2021

NGÀNH NGÔN NGỮ PHÁP - CHẤT LƯỢNG CAO TT23

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần
QH.2020 HỌC KỲ 1	FRE4021*	Tiếng Pháp 1A	4	8	QH.2020 HỌC KỲ 2	FRE4023*	Tiếng Pháp 2A	4	8
	FRE4022*	Tiếng Pháp 1B	4	8		FRE4024*	Tiếng Pháp 2B	4	8
	FLF1107***	Tiếng Anh Chất lượng cao 1	5	8		PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	HIS 1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3		VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
	FLF1008	Kỹ năng học tập thành công bậc Đại học	3	4		FLF1108***	Tiếng Anh Chất lượng cao 2	5	8
							Tự chọn khối II		
					FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3	
QH.2019 HỌC KỲ 3	FRE4025*	Tiếng Pháp 3A	4	8	QH.2019 HỌC KỲ 4	FRE4028*	Tiếng Pháp 4A	4	8
	FRE4026*	Tiếng Pháp 3B	4	8		FRE4029*	Tiếng Pháp 4B	4	8
	FRE4027**	Tiếng Pháp 3C	2	2		FRE4030**	Tiếng Pháp 4C	2	2
	FRE2052***	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	3	6		FRE3038	Phương pháp tư liệu chuyên đề	3	3
	FLF1009***	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3		FRE3053	Nhập môn Khoa học du lịch	3	3
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	2		PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2			Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	2		FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (tiếng Pháp)	2	2
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2			Môn tự chọn (Khối II.2)	3	3
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2		FRE2001***	Địa chính trị	3	3
	MAT1078	Thống kê cho KHXH	2	2		FRE1002	Môi trường và phát triển	3	3
		(SV có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối III ở HK III hoặc HK V)				FLF1005***	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
							Tự chọn khối IV.1.2	6	6
						FRE2053	Đọc hiểu nâng cao chuyên đề ngôn ngữ văn hóa và xã hội cộng đồng Pháp ngữ	3	3

TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020-2021

NGÀNH NGÔN NGỮ PHÁP - ĐỊNH HƯỚNG DU LỊCH

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần
QH.2019 HỌC KỲ 3	FRE4025	Tiếng Pháp 3A	4	8	QH.2019 HỌC KỲ 4	FRE4028	Tiếng Pháp 4A	4	8
	FRE4026	Tiếng Pháp 3B	4	8		FRE4029	Tiếng Pháp 4B	4	8
	FRE4031	Tiếng Pháp 3C	3	4		FRE4032	Tiếng Pháp 4C (học 3 tuần cuối của HK2)	4	20
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2		PHI1002	Chữ nghĩa xã hội khoa học	2	2
		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2			Môn tự chọn (Khối II)	6	6
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	2		FRE1001B	Địa lý đại cương	3	3
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2		FRE1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2			Tự chọn khối IV.1.2	6	6
	MAT1078	Thống kê cho KHXH	2	2		FRE2053	Đọc hiểu nâng cao chuyên đề ngôn ngữ văn hóa và xã hội cộng đồng Pháp ngữ	3	3
		(SV có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối III ở HK III hoặc HK V)							
QH.2018 HỌC KỲ 5	FRE2038	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1	3	3	QH.2018 HỌC KỲ 6	FRE2039	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 2	3	3
	FRE2056	Đất nước học Pháp	3	3		FRE2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
	FRE3053	Nhập môn khoa học du lịch	3	3		FRE3034	Phiên dịch	3	3
	FRE3041	Tiếng Pháp du lịch khách sạn	3	3		FRE3017	Biên dịch	3	3
	FRE4032	Tiếng Pháp 4C (học 3 tuần cuối của HK1)	4	20			Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6
		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2		FRE2047	Pháp ngữ học	3	3
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2		FRE2046	Phân tích văn bản văn học	3	3
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2		FRE2043	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	3
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		FRE2044	Ngữ nghĩa học	3	3
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2			Môn tự chọn (V.2.2.1)	6	6
	kiểm tra lại thời gian??			FRE3058	Hướng dẫn du lịch	3	3		
QH.2017 HỌC KỲ 7	FRE3051	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	3	3	QH.2017 HỌC KỲ 8	FRE4001	Thực tập	3	3
	FRE3022	Địa lý văn hóa du lịch tiếng Pháp	3	3		FRE4051	Khóa luận Tốt nghiệp/ Môn học tương đương	6	6
		Môn tự chọn (khối IV.1.2)	6	6			Môn thay thế KL Tốt nghiệp		
	FRE2037	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3					
	FRE2045	Phân tích diễn ngôn	3	3		FRE2045	Phân tích diễn ngôn	3	3
	FRE2042	Ngôn ngữ học xã hội	3	3		FRE3043	Tiếng Pháp giao tiếp trong kinh doanh	3	3
	FRE2041	Lịch sử văn học Pháp	3	3					
		Môn tự chọn (V.2.2.1)	6	6					
	TOU2003	Kinh tế du lịch	3	3					
	TOU2009	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	3					
TOU2008	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	3						
	Môn tự chọn (V.2.2.2)	3	3						
FRE3044	Tiếng Pháp hành chính văn phòng	3	3						
FRE3049	Văn hóa dân gian Pháp	3	3						
FRE3030	Lịch sử Pháp	3	3						
FRE3043	Tiếng Pháp giao tiếp trong kinh doanh	3	3						
TOU3001	Nghiệp vụ khách sạn cơ bản	3	3						
TOU3014	Nghiệp vụ lễ hành	3	3						
TOU3004	Nghiệp vụ giao tiếp lễ tân	3	3						

*Môn học tự chọn in nghiêng, chữ đậm là những môn học tự chọn trong Khối sẽ được tổ chức giảng dạy.

TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng năm 2020
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020-2021

NGÀNH NGÔN NGỮ PHÁP - ĐỊNH HƯỚNG PHIÊN DỊCH

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2019 HỌC KỲ 3	FRE4025	Tiếng Pháp 3A	4	8	QH.2019 HỌC KỲ 4	FRE4028	Tiếng Pháp 4A	4	8
	FRE4026	Tiếng Pháp 3B	4	8		FRE4029	Tiếng Pháp 4B	4	8
	FRE4031	Tiếng Pháp 3C	3	4		FRE4032	Tiếng Pháp 4C (học 3 tuần cuối của HK2)	4	20
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2		PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2			Môn tự chọn (Khối II)	6	6
	VLFI053	Tiếng Việt thực hành	2	2		FRE1001B	Đặt lý đại cương	3	3
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2		FRE1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLFI001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2			Tự chọn khối IV.1.2	6	6
	MAT1078	Thống kê cho KHXH	2	2		FRE2053	Đọc hiểu nâng cao chuyên đề ngôn ngữ văn hóa và xã hội cộng đồng Pháp ngữ	3	3
<i>(SV có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối III ở HK III hoặc HK V)</i>									
QH.2018 HỌC KỲ 5	FRE2038	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1	3	3	QH.2018 HỌC KỲ 6	FRE2039	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 2	3	3
	FRE2056	Đất nước học Pháp	3	3		FRE2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
	FRE3017	Biên dịch	3	3		FRE3032	Lý thuyết dịch	3	3
	FRE3034	Phiên dịch	3	3		FRE3036	Phiên dịch nâng cao	3	3
	FRE4032	Tiếng Pháp 4C (học 3 tuần cuối của HK1)	4	20		FRE3019	Biên dịch nâng cao	3	3
		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2			Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6
	FLFI003	Tư duy phê phán	2			FRE2047	Pháp ngữ học	3	3
	FLFI002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2			FRE2046	Phân tích văn bản văn học	3	3
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2			FRE2043	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	3
	FLFI004	Văn hóa các nước ASEAN	2			FRE2044	Ngữ nghĩa học	3	3
					Môn tự chọn (V.1.2.2)	3	3		
				FRE3043	Tiếng Pháp giao tiếp trong kinh doanh	3	3		
				FRE3044	Tiếng Pháp hành chính văn phòng	3	3		
				FRE3047	Tiếng Pháp luật	3	3		
QH.2017 HỌC KỲ 7	FRE3038	Phương pháp tư liệu chuyên đề	3	3	QH.2017 HỌC KỲ 8	FRE4001	Thực tập	3	3
		Môn tự chọn (Khối IV.1.2)	6	6		FRE4051	Khóa luận Tốt nghiệp/ Môn học tương đương	6	6
	FRE2037	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3					
	FRE2045	Phân tích diễn ngôn	3	3			Môn thay thế KL Tốt nghiệp		
	FRE2042	Ngôn ngữ học xã hội	3	3		FRE3033	Phân tích đánh giá bản dịch	3	3
	FRE2041	Lịch sử văn học Pháp	3	3		FRE3025	Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch	3	3
		Môn tự chọn (Khối V.1.2.1)	6	6					
	FRE3035	Phiên dịch chuyên ngành	3	3					
	FRE3018	Biên dịch chuyên ngành	3	3					
	FRE3025	Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch	3	3					
	FRE3033	Phân tích đánh giá bản dịch	3	3					
		Môn tự chọn (khối V.1.2.2)	3	3					
	FRE3051	Giao tiếp lễ tân ngoại giao	3	3					
	FRE3040	Thuật ngữ học	3	3					
	FRE3045	Tiếng Pháp kinh tế	3	3					
	FRE3048	Tiếng Pháp tài chính ngân hàng	3	3					
	FRE3041	Tiếng Pháp du lịch khách sạn	3	3					
TOU2009	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	3						

*Môn học tự chọn in nghiêng, chữ đậm là những môn học tự chọn trong Khối sẽ được tổ chức giảng dạy.

TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng năm 2020
HIỆU TRƯỞNG

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020-2021

NGÀNH NGÔN NGỮ PHÁP - CHẤT LƯỢNG CAO

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2017 HỌC KỲ 7	FRE3038	Phương pháp tư liệu chuyên đề	3	3	QH.2017 HỌC KỲ 8	FRE4001*	Thực tập	3	3
	FRE2048 ***	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 3	3	3		FRE4051*	Khoá luận tốt nghiệp	7	7
	FRE3036*	Phiên dịch nâng cao	3	3			Môn tự chọn (V.2.1)	6	6
	FRE3019*	Biên dịch nâng cao	3	3		FRE3018	Biên dịch chuyên ngành	3	3
		Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6		FRE3035	Phiên dịch chuyên ngành	3	3
	FRE2037	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3		FRE3025	Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch	3	3
	FRE2045	Phân tích diễn ngôn	3	3		FRE3033	Phân tích đánh giá bản dịch	3	3
	FRE2042	Ngôn ngữ học xã hội	3	3					
	FRE2041	Lịch sử văn học Pháp	3	3					

*Sinh viên ngành Ngôn ngữ CLC bắt buộc làm Khóa luận tốt nghiệp.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020-2021

NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG PHÁP

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2018 HỌC KỲ 5	PSF3008	Giáo dục học	3	3	QH.2018 HỌC KỲ 6	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo	2	2
	FRE2038	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1	3	3		FRE3037	Phương pháp giảng dạy tiếng Pháp	3	3
	FRE3031	Lý luận giảng dạy tiếng Pháp	3	3		FRE2039	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 2	3	3
	FRE2056	Đất nước học Pháp	3	3		FRE2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
	FRE4032	Tiếng Pháp 4C (học 3 tuần cuối của HK1)	4	20			Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6
		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2		FRE2047	Pháp ngữ học	3	3
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2		FRE2046	Phân tích văn bản văn học	3	3
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2		FRE2043	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	3
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		FRE2044	Ngữ nghĩa học	3	3
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2			Môn tự chọn (V.2)	12	12
QH.2017 HỌC KỲ 7	FRE3026	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	3	3	QH.2017 HỌC KỲ 8	FRE4001	Thực tập	3	3
		Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6		FRE4051	Khóa luận Tốt nghiệp/Môn học tương đương	6	6
	FRE2037	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3			Môn thay thế KL Tốt nghiệp		
	FRE2045	Phân tích diễn ngôn	3	3		FRE3023	Giảng dạy tiếng Pháp chuyên ngành	3	3
	FRE2042	Ngôn ngữ học xã hội	3	3		FRE3024	Giảng dạy tiếng Pháp như một ngoại ngữ 2	3	3
	FRE2041	Lịch sử văn học Pháp	3	3					
		Môn tự chọn (V.2)	12	12					
	PSF3009	Tâm lý học giảng dạy tiếng nước ngoài	3	3					
	FRE3023	Giảng dạy tiếng Pháp chuyên ngành	3	3					
	FRE3021	Công nghệ trong dạy và học ngoại ngữ	3	3					
FRE3024	Giảng dạy tiếng Pháp như 1 ngoại ngữ 2	3	3						
FRE3039	Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu	3	3						
FRE3050	Xây dựng chương trình giảng dạy	3	3						

*Môn học tự chọn in nghiêng, chữ đậm là những môn học tự chọn trong Khối sẽ được tổ chức giảng dạy.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG